



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha

Ngày 31/12/2024	3,960 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.5%	-3.4%	-

DT thuần Q4/24
843
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 105 14.2%
YoY: ▼ 186 -18.1%

LN thuần Q4/24
9.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 3.77 -28.6%
YoY: ▲ 45.2 126%

LN sau thuế Q4/24
15.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.20 1.0%
YoY: ▼ 4.70 -23.7%

Tỷ suất lãi EBIT 2024
0.8%
YoY: +/- ▲ 1.6%

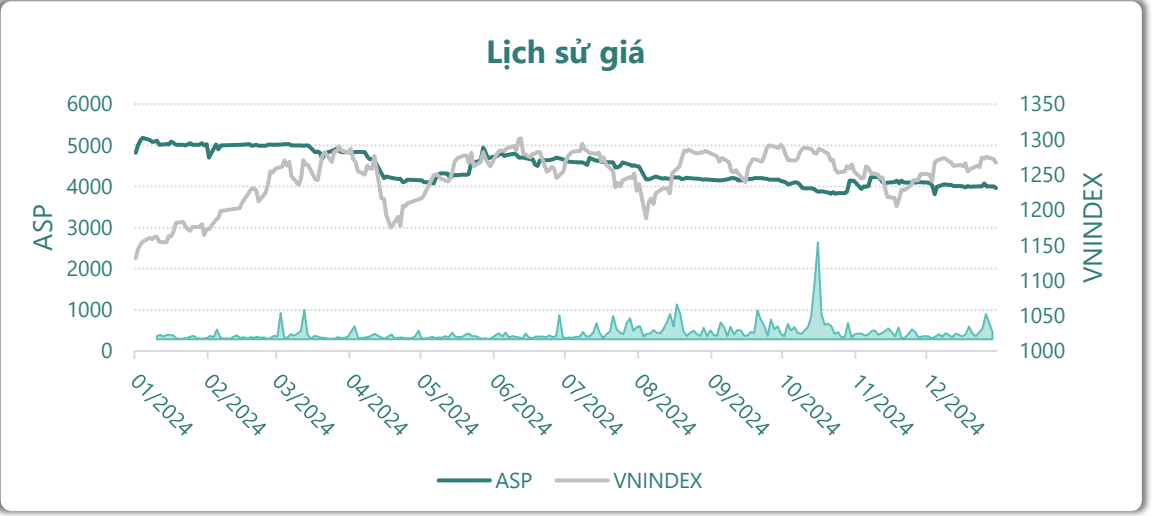
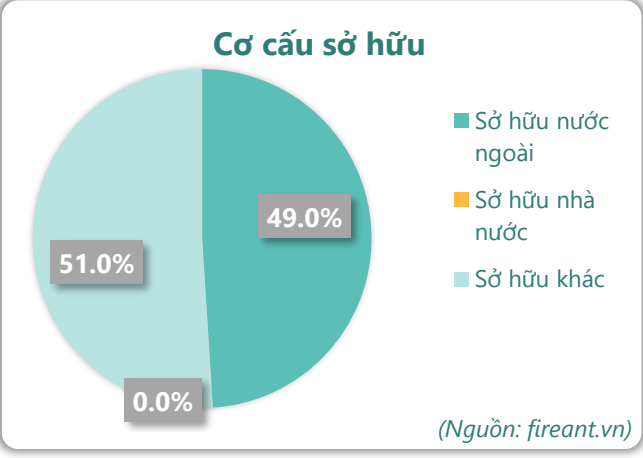
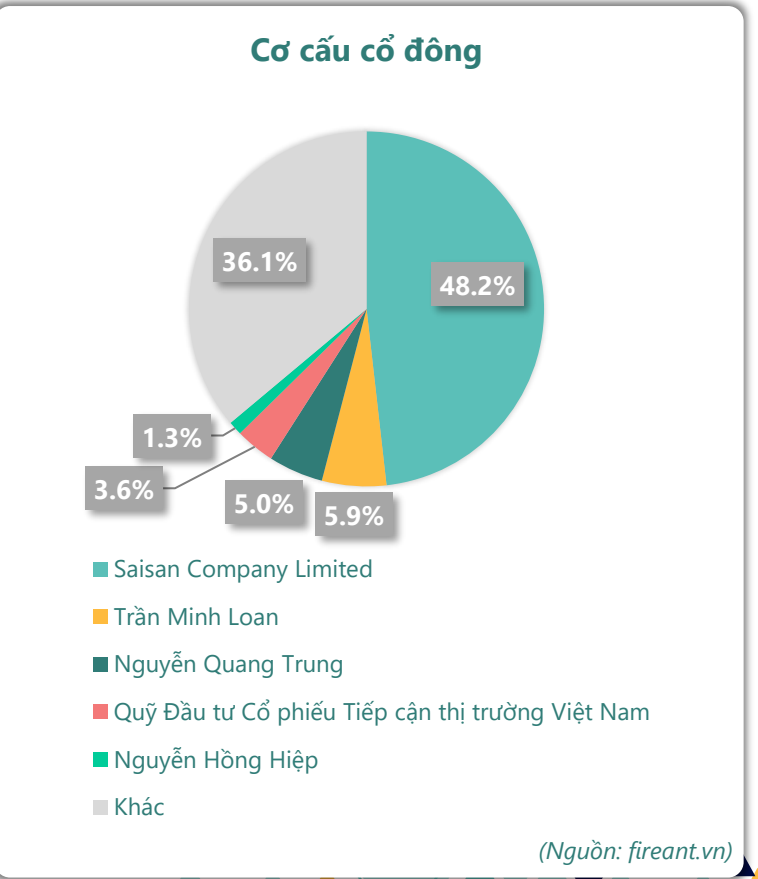
ROE 2024
1.3%
YoY: +/- ▲ 20.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,810 - 5,180
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	148
Số lượng CPLH (CP)	37,339,542
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,875
Sở hữu nước ngoài	49.0%
Beta	0.34
EPS	123
P/E	32.2

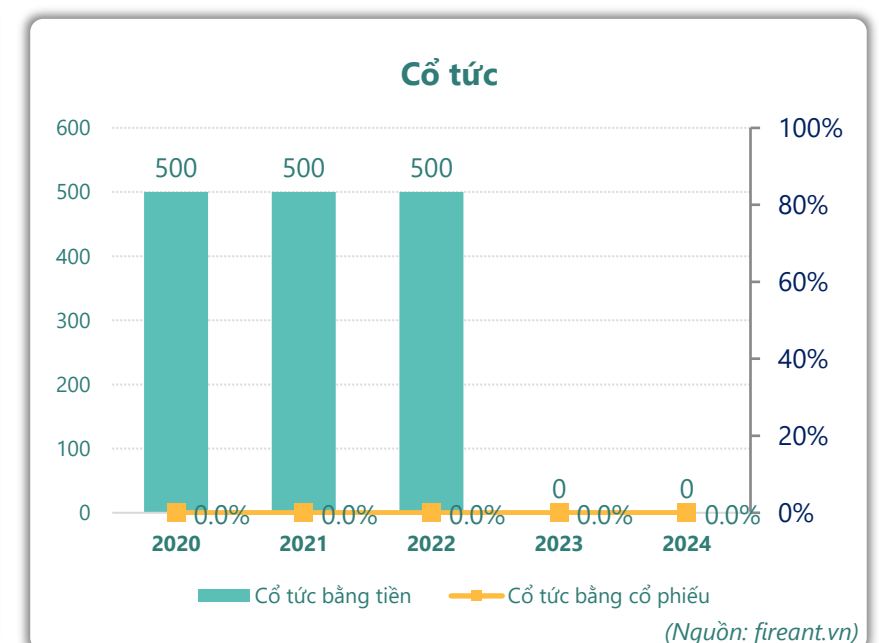
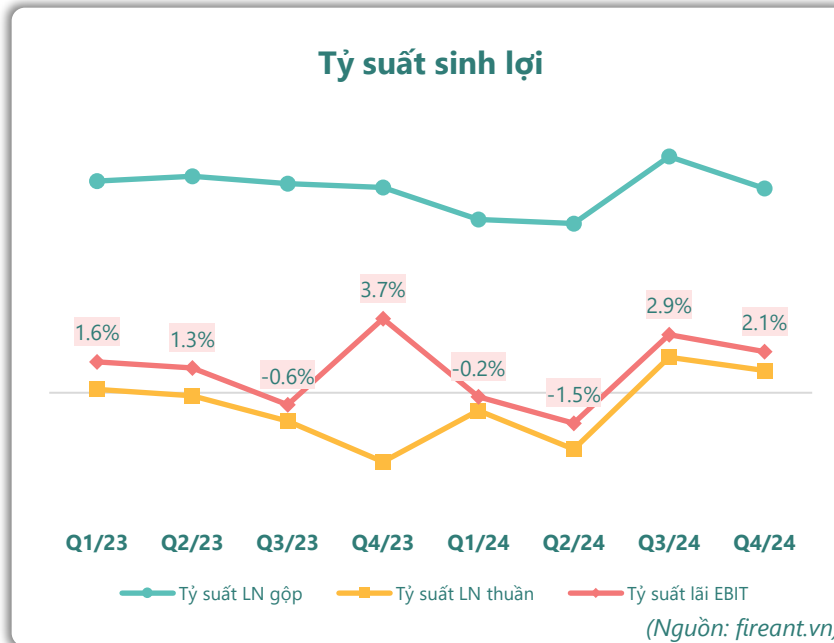
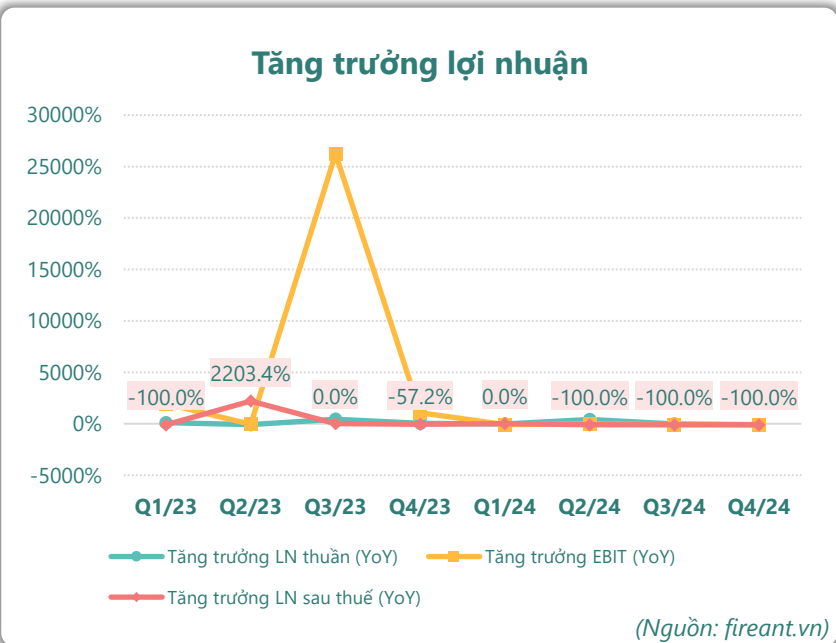
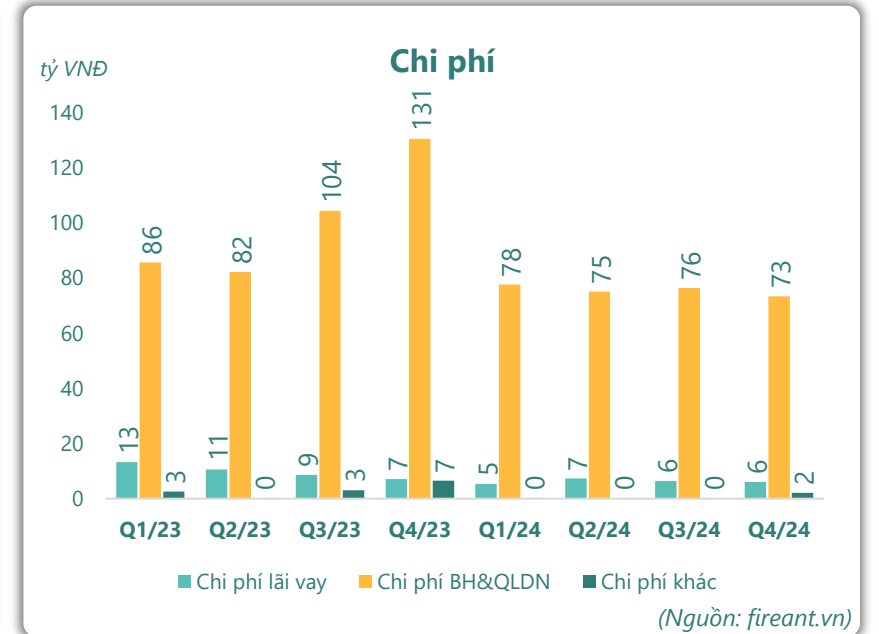
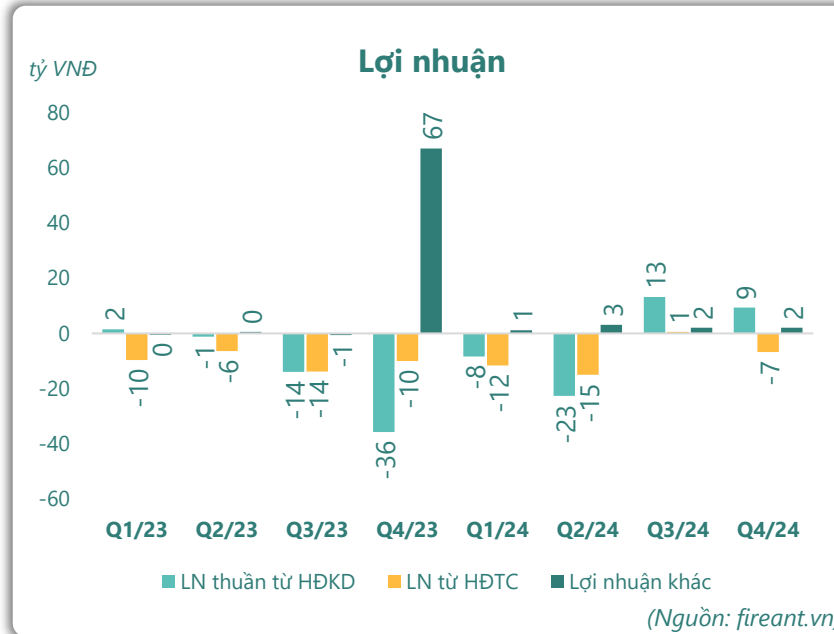
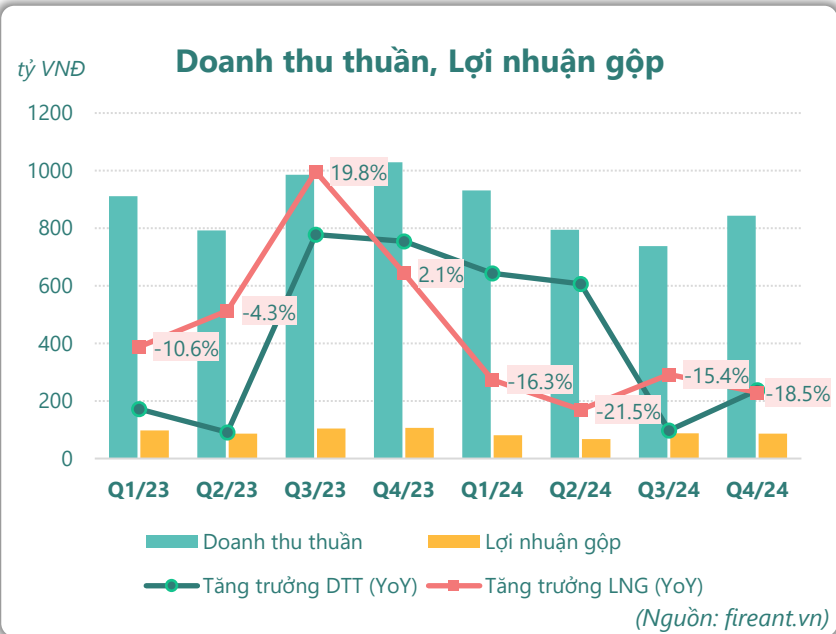
DT thuần 2024
3,306
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 417 -11.2%

LN thuần 2024
-8.44
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 117 93.2%

LN sau thuế 2024
3.41
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 87.6 104%



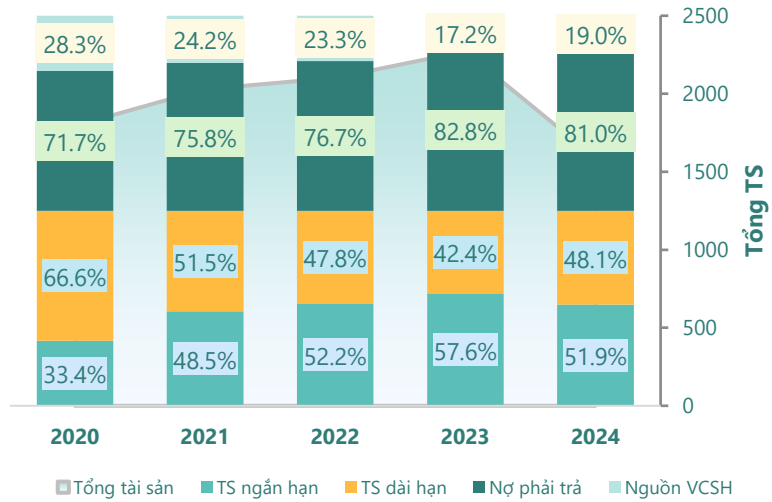
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

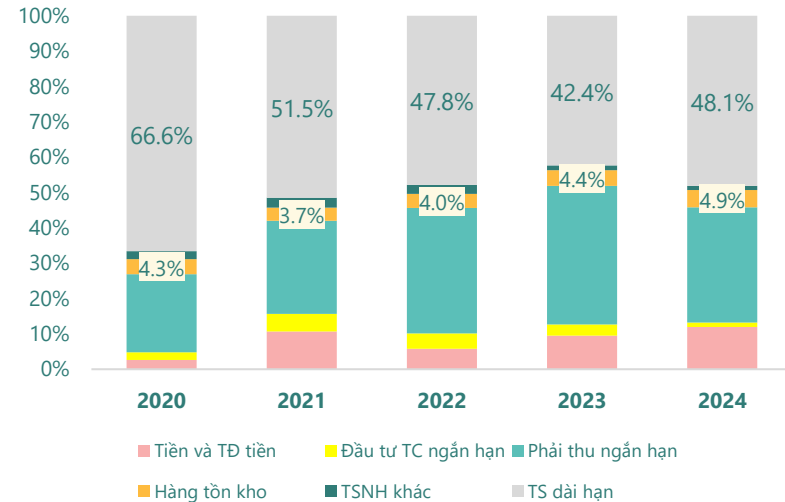
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

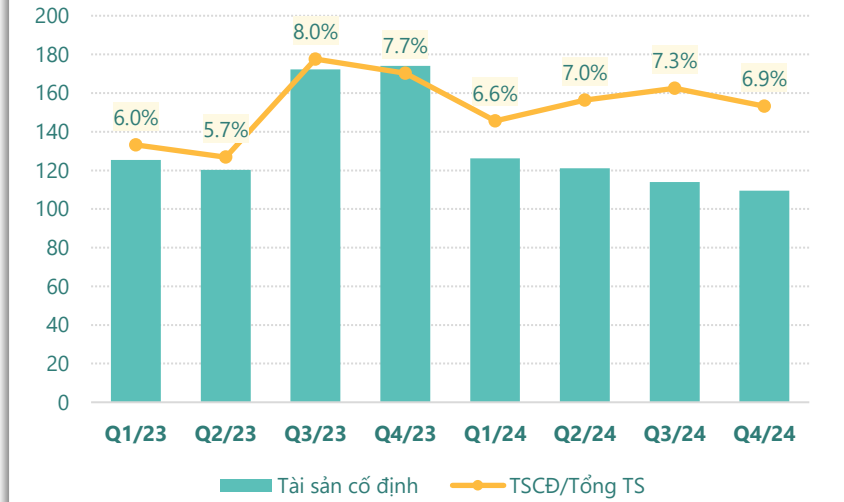
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

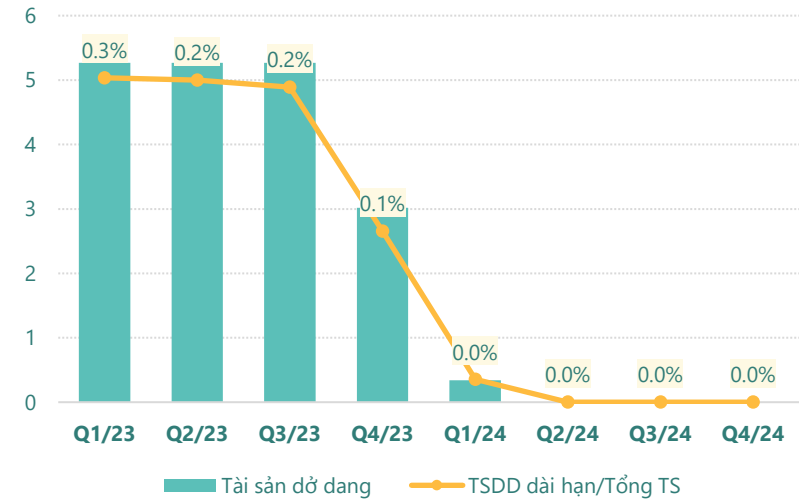
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

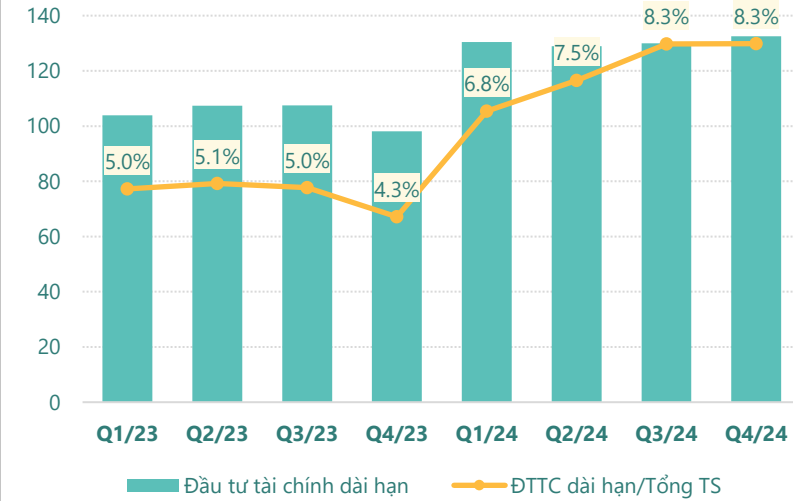
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

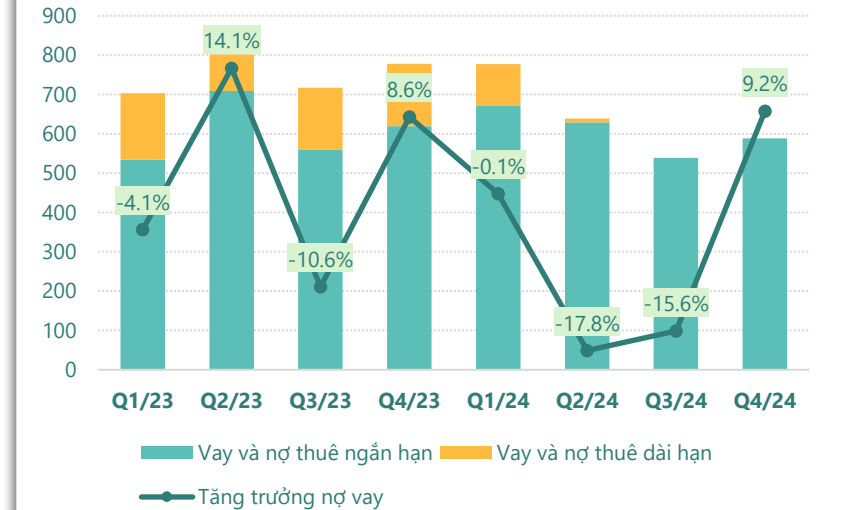
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

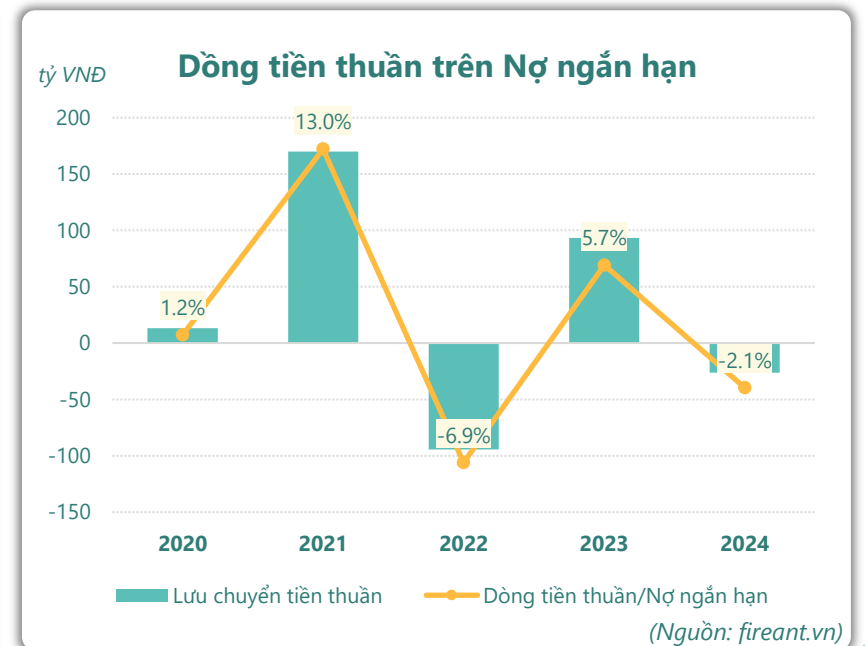
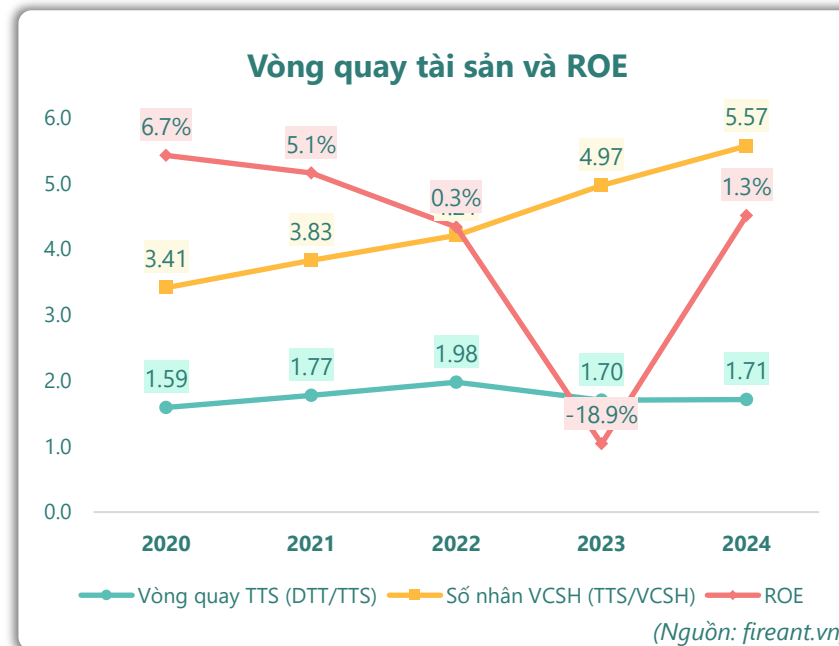
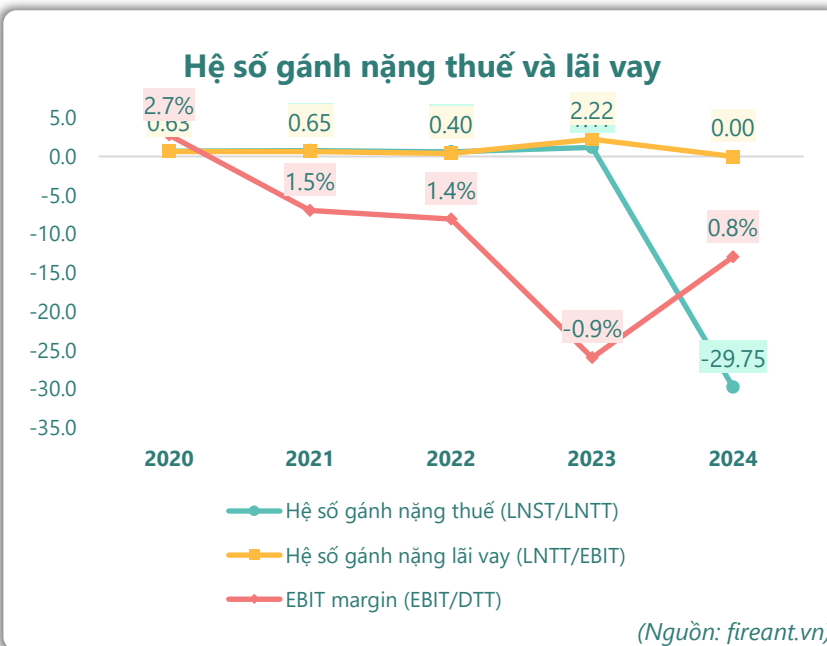
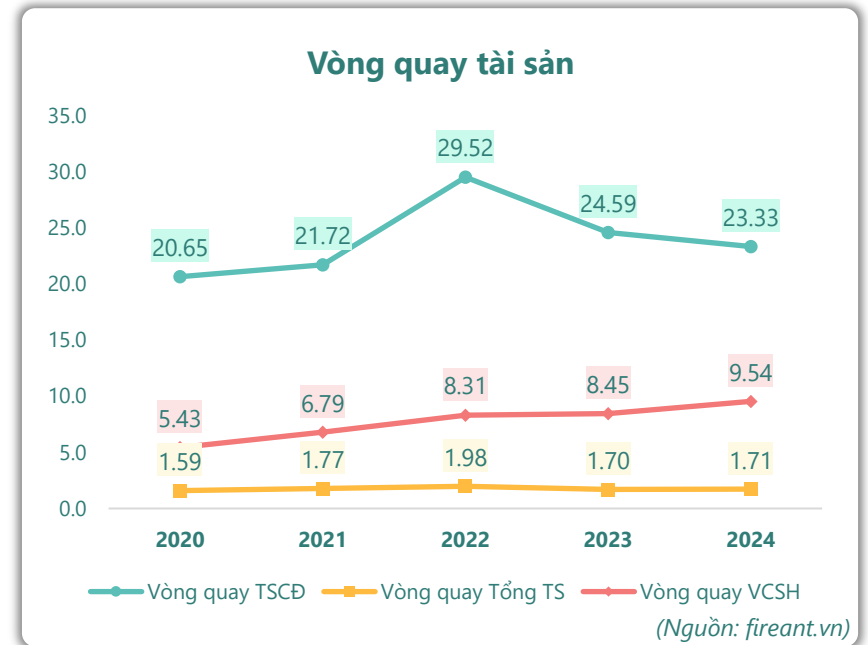
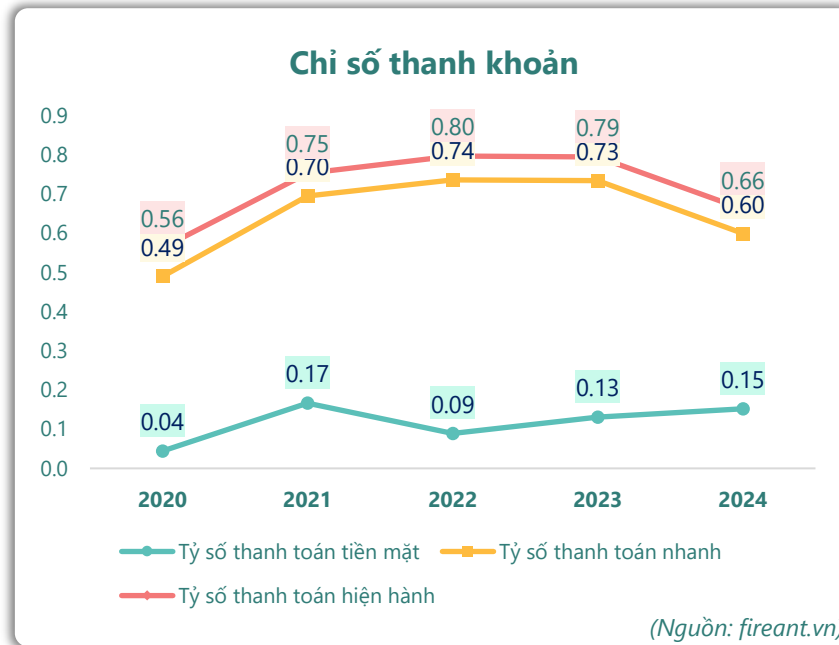
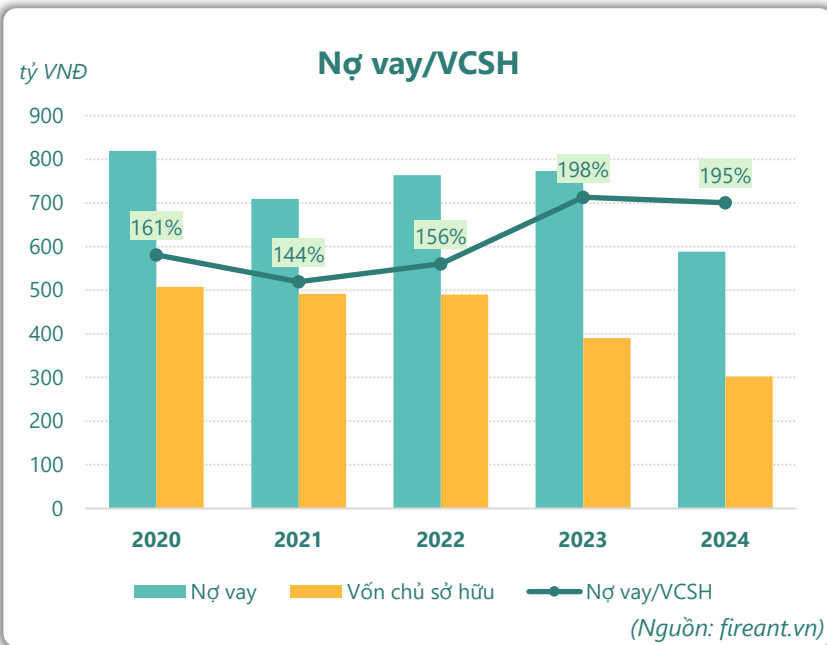
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	843	1,029	-18.1%	3,306	3,723	-11.2%
Giá vốn hàng bán	756	923	-18.1%	2,982	3,331	-10.5%
Lợi nhuận gộp	86.8	107	-18.8%	324	392	-17.3%
Doanh thu HĐTC	2.37	3.50	-32.4%	15.1	14.7	3.0%
Chi phí TC	9.17	13.5	-32.0%	48.0	71.3	-32.7%
Chi phí lãi vay	6.08	7.10	-14.4%	25.2	39.5	-36.3%
LN trong công ty LKLD	2.88	-1.73	266%	3.47	-1.24	380%
Chi phí bán hàng	58.0	80.2	-27.7%	227	276	-17.6%
Chi phí QLDN	15.5	50.5	-69.3%	75.6	183	-58.7%
LN thuần từ HĐKD	9.43	-35.8	126%	-8.44	-125	93.2%
Lợi nhuận khác	2.03	67.2	-97.0%	8.32	53.0	-84.3%
LN trước thuế	11.5	31.3	-63.4%	-0.11	-71.9	99.8%
Lợi nhuận sau thuế	15.3	20.0	-23.7%	3.41	-84.2	104%
LNST của CĐ cty mẹ	15.9	18.2	-12.7%	4.59	-83.4	106%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	114	22.6	-70.1	129	172	27.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-63.2	56.7	-60.1	56.4	61.0	-4.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-83.7	61.4	1.00	-123	-262	46.4
Tiền đầu kỳ	115	82.9	216	86.8	150	121
Lưu chuyển tiền thuần	-32.6	141	-129	62.7	-29.1	69.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.42	0	-0.61
Tiền cuối kỳ	82.9	224	86.8	150	121	189

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,588	2,272	-30.1%
Tài sản ngắn hạn	824	1,310	-37.1%
Tiền và tương đương tiền	189	216	-12.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.2	71.4	-71.7%
Phải thu ngắn hạn	518	890	-41.8%
Hàng tồn kho	77.1	100	-23.2%
Tài sản ngắn hạn khác	19.0	31.5	-39.6%
Tài sản dài hạn	764	962	-20.6%
Phải thu dài hạn	49.9	145	-65.5%
Tài sản cố định	109	174	-37.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	3.02	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	133	83.3	59.1%
Tài sản dài hạn khác	472	548	-13.8%
Lợi thế thương mại	-0.24	9.27	-103%
Nợ phải trả	1,285	1,881	-31.7%
Nợ ngắn hạn	1,246	1,648	-24.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	588	690	-14.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	594	891	-33.3%
Nợ dài hạn	39.2	234	-83.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	82.9	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	302	390	-22.5%
Vốn chủ sở hữu	302	390	-22.5%
Vốn điều lệ	373	373	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

